

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PQR VIỆT NAM
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI PQR VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PQR VIETNAM CONSTRUCTION AND TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109916256

3. Ngày thành lập: 25/02/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 20, Ngõ 226, Đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0979439522

Fax:

Email: pqrvietnam@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị trong công trình nhà và công trình xây dựng khác như: + Thang máy, thang cuốn, + Cửa cuốn, cửa tự động, + Dây dẫn chống sét, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung.	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ đầu giá)	4511
6.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
7.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
8.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652

9.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
10.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác; - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;	4659
11.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng) Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
14.	Khai thác và thu gom than non	0520
15.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
17.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
18.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
19.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
20.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
21.	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
22.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
23.	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
24.	Lập trình máy vi tính	6201

25.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
26.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và máy vi tính khác chưa được phân loại vào đâu như: Khắc phục các sự cố máy vi tính và cài đặt phần mềm	6209
27.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (Không bao gồm hoạt động cung cấp hạ tầng thông tin cho thuê)	6311
28.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; - Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; - Kinh doanh bất động sản	6810
29.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Trừ loại nhà nước cấm) Chi tiết: Dịch vụ tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản	6820
30.	Quảng cáo	7310
31.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
32.	Bán buôn tổng hợp (Trừ loại Nhà nước cấm)	4690
33.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
34.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
35.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
36.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
37.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
38.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
39.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
40.	Sản xuất giày, dép	1520
41.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
42.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
43.	Sản xuất bao bì bằng gỗ (trừ sản xuất bột gỗ, chế biến gỗ)	1623

44.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm gỗ khác nhau, cụ thể: - Hộp, trap nhỏ đựng đồ trang sức quý và các vật phẩm tương tự bằng gỗ; - Các dụng cụ như ống chỉ, suốt chỉ, ống suốt, cuộn cuộn chỉ, máy khâu ren và các vật phẩm tương tự của guồng quay tơ bằng gỗ; - Cán, tay cầm của dụng cụ, cán chổi, cán bàn chải;	1629
45.	In ấn	1811
46.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
47.	Sao chép bản ghi các loại	1820
48.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
49.	Đúc sắt, thép	2431
50.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
51.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
52.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
53.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
54.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại (Trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại)	2592
55.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
56.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
57.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4932
58.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng ô tô loại khác (trừ ô tô chuyên dụng) - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ loại khác. - Vận tải hàng hóa bằng xe thô sơ.	4933
59.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225

61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Gửi hàng; - Giao nhận hàng hóa; - Hoạt động liên quan khác như: Bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hóa - Kinh doanh dịch vụ Logistics (Không bao gồm dịch vụ vận tải hàng không)	5229
62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: - Khách sạn - Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày - Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự	5510
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke)	5610
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
65.	Xuất bản phần mềm (Trừ hoạt động xuất bản phẩm)	5820
66.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
67.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (Trừ hoạt động trung tâm dịch vụ việc làm theo Nghị định số 23/2021/NĐ-CP ban hành ngày 19 tháng 03 năm 2021 quy định về thành lập và hoạt động của trung tâm dịch vụ việc làm) Chi tiết: Hoạt động tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm	7810
68.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
69.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết : - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước	7830
70.	Đại lý du lịch	7911
71.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa - Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
72.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
73.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
74.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320

75.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
76.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
77.	Tái chế phế liệu Chi tiết: - Tái chế phế liệu kim loại - Tái chế phế liệu phi kim loại	3830
78.	Xây dựng nhà để ở	4101(Chính)
79.	Xây dựng nhà không để ở	4102
80.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
81.	Xây dựng công trình điện	4221
82.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
83.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
84.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
85.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
86.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
87.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
88.	Phá dỡ	4311
89.	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm rà, phá bom mìn)	4312
90.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
91.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
92.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
93.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759

6. Vốn điều lệ: 12.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.200.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN CÔNG KHIÊM	Số 20, Ngõ 226, Đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	550.000	5.500.000.000	45,833	0010860105 51	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	550.000	5.500.000.000	45,833		
2	NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG	Số 20, Ngõ 14 Tập Thể XD Khu Nam, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	16,667	0011870308 23	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	16,667		

3	LÂM TĂNG KHỎI	Thôn Đôn Thụ, Xã Kim Thụ, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	450.000	4.500.000.000	37,500	0010890109 77	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	450.000	4.500.000.000	37,500		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN CÔNG KHIÊM

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/10/1986

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001086010551

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm 2, Thôn Ba Đình, Xã Kim Thụ, Huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 20, Ngõ 226, Đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội